

くじ番号

受付印

Đơn đăng ký gửi trẻ tại
các cơ sở trông trẻ
(Kiểm sổ ghi chép đăng ký trông trẻ)

Ngày_____tháng_____năm_____

クラス	年度	クラス	年度	年・月	施設名・事業所
0 歳		3 歳			
1 歳		4 歳			
2 歳		5 歳			

Kính gửi: Trưởng Văn phòng Phúc lợi Thành phố Toyoake【令和8年度申込用】ベトナム語

Người giám hộ	Địa chỉ 住所	〒 豊明市		
	Cách đọc フリガナ			Điện thoại nhà — —
	Họ và tên 氏名	Có yêu cầu thông dịch qua điện thoại không? (Có / Không)		Cha父 — — Mẹ母 — —

Về việc gửi trẻ tại các cơ sở trông trẻ, v.v... tôi xin đăng ký như sau đây. Về hộ gia đình, tôi đồng ý với Trưởng Văn phòng Phúc lợi Thành phố Toyoake trong việc thực hiện xác nhận thuế cư trú Thành phố, v.v... để tính phí trông trẻ.
保育所等の利用につき、次のとおり申し込みます。なお、私の世帯にあたり豊明市福祉事務所に保育料等算定のための市民税等の確認事務実施に同意します。

Trẻ được đăng ký gửi 利用児童	Cách đọc フリガナ				Thời gian mong muốn gửi trẻ tại cơ sở trông trẻ				
	Họ và tên 氏 名				Từ ngày __tháng__năm__đến trước khi học tiểu học				
		Ngày tháng năm sinh生年月日：Ngày_____tháng_____năm_____				Ngày__tháng__năm__			
Cơ sở trông trẻ theo nguyện vọng (Thứ 1 ~) 利用希望 保育所等	Thứ	Aoi Tori	1tuổi~	Thứ	Mutsumi	57 ngày~	Thứ	MemoryTree Misaki	4 tháng~
	Thứ	Futamuradai	4 tháng~	Thứ	Karatake	57 ngày~	Thứ	MemoryTree Zengo	4 tháng~
	Thứ	Yakata	4 tháng~	Thứ	Mamina	57 ngày~	Thứ	Toyoake Nakayoshi	57 ngày~
	Thứ	Chubu	1 Tuổi~	Thứ	Shiraho Toubu	57 ngày~	Thứ	Kanade attached to Chukyo Satellite Clinic	57 ngày~
	Thứ	Sakae	1 Tuổi~	Thứ	Kutsukake keyaki	57 ngày~	Thứ	Rejoice	6 tháng ~
	Thứ	Nanbu	4 tháng~	Thứ	Aiguran Uchiyama	57 ngày~	Thứ	Toyoake	6 tháng ~
	Thứ	Seibu	1 Tuổi~			Thứ	Akatsuki (tên tạm thời)	6 tháng ~	
Gửi anh chị em v.v. cùng lúc 兄弟等 同時利用	Trường hợp cùng đăng ký gửi anh chị em, hãy chọn một trong các mục sau. Dù chọn mục nào cũng không có sự khác biệt về chỉ số trong việc xét duyệt hồ sơ. ①Không muốn gửi trẻ trong trường hợp anh chị em không được gửi cùng thời điểm tại cùng một cơ sở trông trẻ v.v... ②Muốn gửi trẻ trong trường hợp anh chị em được gửi cùng thời điểm (kể cả khi cơ sở trông trẻ riêng biệt) ③Muốn gửi trẻ kể cả khi chỉ có thể gửi được 1 trẻ								
	Trường hợp chọn ② và ③ thì hãy chọn A và B dưới đây. Trường hợp nếu hạ thứ tự cơ sở trông trẻ mong muốn thì anh chị em có thể sử dụng cùng một cơ sở trông trẻ ☐ A. Cho dù hạ thứ tự cơ sở trông trẻ mong muốn xuống thì cũng mong muốn gửi cùng một cơ sở trông trẻ, v.v... ☐ B. Dù không gửi cùng một cơ sở trông trẻ thì cũng không hạ thứ tự cơ sở trông trẻ mong muốn.								
Tình trạng gia đình không bao gồm trẻ được đăng ký gửi (kể cả trường hợp đi làm xa gia đình sống một mình) 同一世帯の家族状況 含まれない児童	Họ và tên 氏名		Mối quan hệ với trẻ 児童との続柄	Ngày tháng năm sinh 生年月日	Nghề nghiệp (Tên trường học) 職業又は学校名	Địa chỉ của người giám hộ vào ngày 1 tháng 1 năm 2025			
			Cha父	. .		Cha父	☐ Trong thành phố Toyoake豊明市内 ☐ Ngoài thành phố Toyoake豊明市外 Địa chỉ của người giám hộ vào ngày 1 tháng 1 năm 2025 Chuyển đến thành phố Toyoake từ tháng__ngày__		
			Mẹ母	. .					
				. .					
				. .		Mẹ母	☐ Trong thành phố Toyoake豊明市内 ☐ Ngoài thành phố Toyoake豊明市外 Địa chỉ của người giám hộ vào ngày 1 tháng 1 năm 2025 Chuyển đến thành phố Toyoake từ tháng__ngày__		
				. .					
				. .					
Tình trạng ông bà 祖父母の状況	Quan hệ 関係		Họ và tên 氏名		Địa chỉ 住所				
	Bên nội	Ông祖父			☐ Giống như địa chỉ của trẻ được đăng ký 利用児童と同じ				
		Bà祖母			☐ Giống như địa chỉ của trẻ được đăng ký 利用児童と同じ				
	Bên ngoại	Ông祖父			☐ Giống như địa chỉ của trẻ được đăng ký利用児童と同じ				
		Bà祖母			☐ Giống như địa chỉ của trẻ được đăng ký 利用児童と同じ				
Khác									

※ Lưu ý: Thông tin cá nhân trong đơn đăng ký gửi trẻ tại cơ sở trông trẻ và các hồ sơ liên quan đến việc đăng ký này sẽ được cung cấp cho các cơ sở trông trẻ liên quan.

Bản cam kết liên quan đến phí trông trẻ và phí bữa ăn, v.v...

保育料等及び給食費等に関する誓約書

Liên quan đến việc gửi trẻ tại cơ sở trông trẻ lần này, tôi đảm bảo sẽ thanh toán phí trông trẻ (số tiền người gửi trẻ phải thanh toán) và phí bữa ăn (phí bữa ăn chính, phí bữa ăn phụ và phí thu thực tế phát sinh khác) trong kỳ hạn đã được chỉ định.

Nếu có sự chậm trễ trong việc thanh toán phí trông trẻ và phí bữa ăn tôi xin hứa sẽ nhanh chóng thanh toán và luôn phản hồi với những liên hệ trao đổi về việc thanh toán với nhân viên phụ trách của Thành phố hay nhân viên phụ trách của cơ sở trông trẻ.

Về phí bữa ăn tại cơ sở trông trẻ công lập, tôi đồng ý thanh toán bằng cách chuyển khoản từ tài khoản chuyển khoản phí trông trẻ đã đăng ký trong đơn yêu cầu chuyển khoản.

私は、このたびの保育所等の利用にあたり、保育料（利用者負担額）及び給食費（主食費、副食費その他の実費徴収費用）を指定された日までに必ず納付します。

万一、保育料等及び給食費等を滞納した場合は、速やかに納付することを誓約します。

保育料等及び給食費等に滞納があるときは、市職員、保育所等職員を交えた納付相談に必ず応じます。

また、保育料等及び給食費等を滞納した場合は、児童手当から充当（特別徴収を含む。）する等納付に応じます。

なお、公立保育所の給食費については、口座振替依頼書登録の保育料振替口座からの振替により支払うことに同意します。

Ngày_____tháng_____năm_____

Địa chỉ người giám hộ

保護者住所

Họ tên người giám hộ [Tự ký]

保護者氏名【自署】

市記入欄	一斉受付 ・ 受付日 月 日	受付	不備 有 ・ 無	注意事項 説明	窓口受付用		確認 (ダブルチェック)
					面接 案内	園宛て F A X	